

1. THÌ HIỆN TẠI ĐƠN

• Lý thuyết

Là thì dùng để diễn tả:

- Một sự thật hiển nhiên, một chân lý
- Một hành động lặp đi lặp lại theo thói quen, phong tục, khả năng.

Cấu trúc:

Câu	Động từ to be	Động từ thường
Khẳng định	S + be (am/is/are) + O	S + V(s/es) + O.
Phủ định	S + be (am/is/are) + not + O	S + do/does not + V.
Nghi vấn	Be (am/is/are) + S + O?	Do/Does + S + V?

Dấu hiệu nhận biết:

- ❖ every day/week/month/year
- ❖ daily, weekly, monthly, yearly
- ❖ always, usually, often, sometimes, never

• Bài tập

1. Match.

I	You	We	They	He	She	It
•	•	•	•	•	•	•
•	•	•	•	•	•	•
is			am			are

2. Change the verb form.

	I/you/we/they	He/she/it
1	wake up	wakes up
2	read	

3	walk	
4	study	
5	brush	
6	watch	
7	cry	
8	drink	
9	take	
10	play	

3. Write the correct form of the verb.

- My mom and dad wake up at 6.30 every morning.
- My brother _____ (take) a shower every morning.
- Amy _____ (comb) her hair every day.
- John always _____ (drink) some milk in the morning.
- Lam often _____ (go) to school with his friends.
- My teacher doesn't _____ (read) a newspaper daily.
- Sam never _____ (brush) his teeth.
- My dog sometimes _____ (play) with a ball.
- I don't _____ (ride) a bike to school every day.

ĐÁP ÁN

1. Match.

I	You	We	They	He	She	It
						
						
is			am			are

2. Change the verb form.

	I/you/we/they	He/she/it
1	wake up	wakes up
2	read	reads
3	walk	walks
4	study	studies
5	brush	brushes
6	watch	watches
7	cry	cries
8	drink	drinks
9	take	takes
10	play	plays

3. Write the correct form of the verb.

- My mom and dad wake up at 6.30 every morning.
- My brother takes (take) a shower every morning.
- Amy combs (comb) her hair every day.
- John always drinks (drink) some milk in the morning.
- Lam often goes (go) to school with his friends.
- My teacher doesn't read (read) a newspaper daily.
- Sam never brushes (brush) his teeth.
- My dog sometimes plays (play) with a ball.
- I don't ride (ride) a bike to school every day.

2. THÌ HIỆN TẠI TIẾP DIỄN

• Lý thuyết

Là thì dùng để diễn tả:

- Một hành động, sự việc xảy ra ngay tại thời điểm nói và vẫn đang tiếp tục diễn ra ở hiện tại.

Cấu trúc:

Câu	Động từ
Khẳng định	S + am/is/are + V-ing
Phủ định	S + am/is/are + not + V-ing

Nghi vấn

Am/is/are + S + V-ing?

Dấu hiệu nhận biết:

- ❖ now, right now, at the moment, at present
- ❖ today, tonight
- ❖ this Saturday, this week(end)
- ❖ Look! , Listen! , Quiet! , Keep silent!

• Bài tập

1. What is everyone doing now?



X watch O listen

Mike isn't watching TV.

He is listening to music.



X stand O sit

Amy _____ up.

She _____ down.



X dance O sing

Ben and Andy _____.

They _____.



My mom _____.

She _____.

X clean O cook

d write the question.

- a. You/ watch TV
- b. She/ write a letter
- c. They/ drink milk
- d. It/ eat a banana
- e. You/ study

Are you watching TV?

3. Look and write the answer.

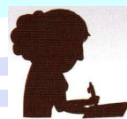
- a. Is he talking on the phone?

Yes, he is.

- b. Are the tigers sleeping?

- c. Is she writing a letter?

- d. Are the monkeys eating bananas?



ĐÁP ÁN

1. What is everyone doing now?



X watch O listen

Mike isn't watching TV.

He is listening to music.



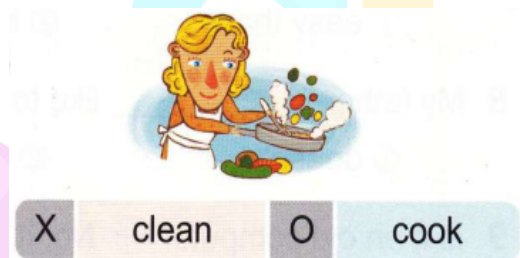
Amy isn't standing up.

She is sitting down.



Ben and Andy aren't dancing.

They are singing.



My mom isn't cleaning.

She is cooking.

2. Use the words on the left and write the question.

- You/ watch TV
- She/ write a letter
- They/ drink milk
- It/ eat a banana
- You/ study

Are you watching TV?

Is she writing a letter?

Are they drinking milk?

Is it eating a banana?

Are you studying?

3. Look and write the answer.



a. Is he talking on the phone?

Yes, he is.

b. Are the tigers sleeping?

No, they aren't.



c. Is she writing a letter?

Yes, she is.



d. Are the monkeys eating bananas?

No, they aren't.



3. THÌ QUÁ KHỨ ĐƠN

• Lý thuyết

Là thì dùng để diễn tả:

Một hành động, sự việc đã diễn ra tại một thời điểm cụ thể, hoặc một khoảng thời gian trong quá khứ và đã kết thúc hoàn toàn ở quá khứ.

Cấu trúc:

Câu	Động từ thường	Động từ tobe
Khẳng định	S + V-ed/ P2	S + was/were + N
Phủ định	S + did not (didn't) + V	S + was/were + not (wasn't/weren't) + N
Nghi vấn	Did + S + V + ?	Was/Were + S + N + ?

Dấu hiệu nhận biết:

- ❖ Yesterday: Hôm qua
- ❖ Last night: Tối qua
- ❖ Last week: Tuần trước
- ❖ Last month: Tháng trước
- ❖ Last year: Năm ngoái

- ❖ Ago: Cách đây
- ❖ at, on, in... + thời gian trong quá khứ
- ❖ When + mệnh đề chia thì quá khứ đơn

• Bài tập

1. Circle the mistake in each sentence and write the correct sentences

1. Where was you yesterday evening? _____.
2. Johnny and I was at my school at yesterday morning _____.
3. He studys on the school library last morning? _____.
4. What does she do last week. _____.

2. Choose the correct answer.

1. They _____ the bus yesterday.
a. don't catch b. didn't catch
c. weren't catch d. not catch
2. My sister _____ home late last night.
a. comes b. come c. came d. was come
3. What _____ you _____ two days ago?
a. do – do b. did – did
c. do – did d. did – do
4. Where _____ you yesterday?
a. was b. is c. were d. are
5. Where _____ your family _____ on the summer holiday last year?
a. do – go
b. does – go
c. did – go
d. did – we

3. Reorder these words to have correct sentences

1. nice/ she/ a/ picture/ drawn/ yesterday/
_____.

2. morning/ he/ piano/ yesterday/ the/ played/ in.

3. this/ film/ watched/ and/ brother/ Lan/ her/.

4. video/ evening/ a/ watched/ yesterday/ Linda/.

5. afternoon/ you/ do/ did/ this/ what/?

DÁP ÁN

1. Circle the mistake in each sentence and write the correct sentences

- Where **was** you yesterday evening? $\Rightarrow$ **were**.
- Johnny and I **was** at my school at yesterday morning $\Rightarrow$ **were**.
- He studys** on the school library last morning? $\Rightarrow$ **Did he study**.
- What **does she** do last week. $\Rightarrow$ **did she do**.

2. Choose the correct answer.

- They _____ the bus yesterday.
a. don't catch **b. didn't catch**
c. weren't catch d. not catch
- My sister _____ home late last night.
a. comes b. come **c. came** d. was come
- What _____ you _____ two days ago?
a. do – do b. did – did
c. do – did **d. did – do**
- Where _____ you yesterday?
a. was b. is **c. were** d. are
- Where _____ your family _____ on the summer holiday last year?
a. do – go

b. does – go

c. did – go

d. did – we

3. Reorder these words to have correct sentences

1. nice/ she/ a/ picture/ drew/ yesterday/

_____ **She drew a nice picture yesterday** _____.

2. the/morning/ he/ piano/ yesterday/ played/.

_____ **He played the piano yesterday morning** _____.

3. this/ film/ watched/ and/ brother/ Lan/ her/.

_____ **Lan and her brother watched this film** _____.

4. video/ evening/ a/ watched/ yesterday/ Linda/.

_____ **Linda watched a video yesterday evening** _____.

5. afternoon/ you/ do/ did/ this/ what/?

_____ **What did you do this afternoon?** _____.